

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2022
Ho Chi Minh City, November 29, 2022

Số/No.: 20221129/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

To: Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants/ Investors*

- Tên quỹ ETF/ <i>ETF name:</i>	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ <i>Securities symbol:</i>	FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ: <i>Fund Management company:</i>	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ <i>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.</i>
- Tên Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank:</i>	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ <i>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam</i>
- Ngày giao dịch hoán đổi/ <i>Exchange date:</i>	28/11/2022
- Đơn vị tính lô ETF/ <i>Unit:</i>	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ <i>1 lot of ETF = 100 000 ETF shares</i>

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the creation basket as follow:*

STT <i>No.</i>	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weight (%)</i>
I. Chứng khoán/ <i>Securities</i>			
1	ACB	3,800	10.66%
2	AGR	100	0.09%
3	BID	300	1.57%
4	BMI	100	0.26%
5	BSI	100	0.21%
6	BVH	100	0.61%
7	CTG	1,000	3.36%
8	CTS	100	0.12%
9	EIB	1,200	2.99%
10	FTS	100	0.22%
11	HCM	300	0.78%
12	HDB	2,300	4.48%
13	LPB	1,900	2.64%
14	MBB	3,300	6.97%
15	MIG	100	0.19%
16	MSB	2,300	3.66%
17	OCB	1,000	1.98%
18	ORS	200	0.22%
19	SHB	3,200	3.88%
20	SSB	2,100	8.16%
21	SSI	1,400	3.12%
22	STB	2,400	5.92%
23	TCB	3,000	9.00%
24	TPB	1,100	2.91%
25	VCB	700	6.67%
26	VCI	400	1.09%
27	VDS	100	0.10%
28	VIB	1,500	3.58%
29	VIX	600	0.58%
30	VND	1,200	1.76%
31	VPB	5,800	11.73%
II. Tiền/ <i>Cash</i>			
	Tiền/ <i>Cash (VND)</i>	3,749,990	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value : (VND)*

762,980,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF : (VND)*

766,729,990

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value : (VND)*

3,749,990



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	21,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	40,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	16,250	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restrictions on investment in treasury stocks not yet registered</i>
4	BVH	46,900	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	HDB	14,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	LPB	10,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	16,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MSB	12,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	OCB	15,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TCB	23,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	TPB	20,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
12	VCB	73,100	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
13	VCI	20,850	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restrictions on investment in treasury stocks not yet registered</i>
14	VIB	18,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
15	VPB	15,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	28/11/2022	25/11/2022	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	7.700.000	7.700.000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	7.900.00	7.510.00	390

59 - C.
CÔNG TY
TNHH
AN LÝ
M VIỆT N
T.P HỒ

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	28/11/2022	25/11/2022	
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	59,038,209,259	57,366,624,797	1,671,584,462
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	766,729,990	745,021,101	21,708,889
của 1 CCQ/ per Share	7.667.29	7.450.21	217.08
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,408.93	1,349.80	59.13

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 27/11/2022 / Item 5 is net asset value at 27/11/2022

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 24/11/2022 / Item 5 is net asset value at 24/11/2022

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Huỳnh Mai Thảo
TRƯỞNG PHÒNG VẬN HÀNH

